

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp việc tuyển dụng,
sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*
- Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*
- Căn cứ Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*
- Căn cứ Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;*
- Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;*
- Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;*
- Căn cứ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức;*
- Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BNV 17 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc bãi bỏ Điều 19 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 321/TTr-SNV ngày 06 tháng 7 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2017 và thay thế Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban

nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, SNV (6b). bntam (75b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức
thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2017/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức ở các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Công chức theo Quy định này bao gồm:

a) Những người làm việc tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện được quy định tại Điều 6 của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định những người là công chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 06/2010/NĐ-CP);

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động trực thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được quy định tại Khoản 4, Điều 11 của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP;

c) Người giữ các vị trí việc làm gắn với nhiệm vụ quản lý nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước được quy định tại Khoản 5, Điều 11 của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP.

2. Quy định này không áp dụng đối với:

a) Những người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

b) Những người là Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp tự trang trải toàn bộ kinh phí hoạt động.

Điều 3. Nội dung phân cấp quản lý

1. Tuyển dụng công chức.
2. Sử dụng và quản lý công chức:
 - a) Xây dựng kế hoạch, quy hoạch công chức;
 - b) Bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch, nâng ngạch, nâng bậc lương, xếp lương và miễn nhiệm ngạch thanh tra đối với công chức;
 - c) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;
 - d) Điều động, biệt phái, luân chuyển công chức;
 - đ) Đánh giá, phân loại công chức;
 - e) Đào tạo, bồi dưỡng công chức;
 - g) Quản lý vị trí việc làm công chức;
 - h) Quản lý biên chế công chức;
 - i) Khen thưởng, kỷ luật công chức;
 - k) Quản lý hồ sơ công chức;
 - l) Báo cáo, thống kê số lượng và chất lượng công chức;
 - m) Thực hiện chế độ thôi việc và nghỉ hưu đối với công chức.

Chương II PHÂN CẤP VIỆC TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÔNG CHỨC

Điều 4. Tuyển dụng công chức

1. Việc tuyển dụng công chức thông qua các hình thức: Thi tuyển, xét tuyển và tiếp nhận không qua thi tuyển đối với trường hợp đặc biệt quy định tại Điều 19 của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 24/2010/NĐ-CP).

2. Cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 25 của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP được xét chuyển thành công chức từ cấp huyện trở lên.

3. Viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 10 của Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (sau đây gọi tắt là Thông tư số 13/2010/TT-BNV) và cơ

quan, đơn vị sử dụng công chức còn chỉ tiêu biên chế thì được xét tuyển dụng vào công chức không qua thi tuyển.

Điều 5. Trách nhiệm, thẩm quyền trong tuyển dụng công chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng công chức từ cấp huyện trở lên thông qua hình thức thi tuyển;

- Quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển công chức, Ban giám sát kỳ thi tuyển công chức và Hội đồng kiểm tra sát hạch đối với những trường hợp tiếp nhận không qua thi tuyển;

- Quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển khi tổ chức xét tuyển đối với những người có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 36 của Luật Cán bộ, công chức, có cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Phê duyệt kết quả thi tuyển và xét tuyển công chức hàng năm;

- Quyết định chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên;

- Quyết định tuyển dụng vào công chức không qua thi tuyển đối với viên chức sự nghiệp và các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức.

b) Giúp Hội đồng tuyển dụng công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

c) Quyết định tuyển dụng công chức sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả trúng tuyển;

d) Quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng công chức đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 18 và Khoản 1, Khoản 2, Điều 24 của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

đ) Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan xây dựng ngân hàng đề thi môn nghiệp vụ, chuyên ngành theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Thông tư số 13/2010/TT-BNV.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) nhu cầu tuyển dụng công chức hàng năm trên cơ sở đề án vị trí việc làm và số lượng biên chế được phân bổ hàng năm;

b) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng bộ đề thi, ngân hàng đề thi môn nghiệp vụ, chuyên ngành để phục vụ cho các kỳ thi tuyển, thi nâng ngạch công chức;

c) Bố trí việc làm, quyết định cử công chức hướng dẫn tập sự đối với người tập sự;

d) Xây dựng nội dung sát hạch để giúp Hội đồng kiểm tra sát hạch thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp tuyển dụng công chức không qua thi tuyển, quy định tại Điều 10 và Điều 13 của Thông tư số 13/2010/TT-BNV;

đ) Thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch và lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Đề nghị Sở Nội vụ hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch, nâng ngạch, nâng bậc lương, xếp lương và miễn nhiệm ngạch thanh tra đối với công chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương (hoặc chuyển xếp lương) đối với: Công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương (sau khi công chức đạt kỳ thi nâng ngạch, hoặc đủ điều kiện nâng ngạch); công chức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo;

- Xét chuyển ngạch và bổ nhiệm vào các ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính theo đề nghị của Hội đồng xét chuyển ngạch thanh tra của tỉnh. Miễn nhiệm ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính;

- Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với: Công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, công chức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo. Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp (và tương đương) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Nội vụ;

- Đề nghị Bộ Nội vụ quyết định chuyển ngạch, xếp lại lương, bổ nhiệm vào ngạch và thỏa thuận nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức các kỳ thi nâng ngạch công chức lên ngạch cán sự (và tương đương) và lên ngạch chuyên viên (và tương đương). Quyết định thành lập Hội đồng thi nâng ngạch, thành lập Ban giám sát, công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch theo đề nghị của Hội đồng thi nâng ngạch đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

b) Bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống sau khi công chức hết thời gian tập sự, công chức đạt kỳ thi nâng ngạch từ chuyên viên trở xuống;

c) Chuyển ngạch, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với công chức ngạch chuyên

viên chính và tương đương (kể cả công chức được điều động, luân chuyển đến làm việc tại cấp xã); thỏa thuận nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Đề nghị Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương cho công chức khi hết thời gian tập sự;

b) Chuyển ngạch, nâng bậc lương thường xuyên, nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống. Nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ.

Điều 7. Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

1. Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch, quy hoạch và quyết định phê duyệt quy hoạch công chức lãnh đạo, quản lý tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cấp huyện theo giai đoạn (05 năm) và hàng năm;

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và một số chức danh khác do pháp luật quy định.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch, quy hoạch cấp dưới trực tiếp và quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc các sở, ban, ngành;

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc các sở, ban, ngành và một số chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật (trừ một số chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này;

b) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch, quy hoạch cấp dưới trực tiếp và quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban

nhân dân cấp huyện và một số chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều động, luân chuyển, biệt phái công chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái công chức thuộc thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chức vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái công chức ra ngoài phạm vi quản lý của sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh);

c) Có ý kiến bằng văn bản đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện khi chuyển công tác qua cơ quan đảng, đoàn thể.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái công chức thuộc quyền quản lý trong nội bộ các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 9. Đánh giá, phân loại công chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, phân loại công chức là Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh đánh giá, phân loại công chức là Phó Giám đốc sở và tương đương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc và công chức các phòng chuyên môn.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, phân loại công chức là Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, phân loại công chức thuộc quyền quản lý.

Điều 10. Đào tạo, bồi dưỡng công chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm, 05 năm của tỉnh (theo quy định) trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với các ngành chức năng và cơ sở đào tạo, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng công chức trong quy hoạch, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh, chức vụ theo quy định;

b) Quyết định cử công chức đi đào tạo sau đại học, nghiên cứu sinh và công chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm và 05 năm (theo quy định) trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

b) Quyết định cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng từ bậc đại học trở xuống.

Điều 11. Quản lý vị trí việc làm đối với công chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức (hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm) theo quy định;

b) Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức (hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm), để làm cơ sở tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

c) Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức (hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm) gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định;

b) Bố trí công chức theo vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 12. Quản lý biên chế công chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch biên chế công chức hàng năm, trên cơ sở đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt. Tổng hợp kế hoạch biên chế công chức hàng năm trình Bộ Nội vụ. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh biên chế công chức và triển khai thực hiện sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Định kỳ cuối tháng 5 hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) tình hình sử dụng biên chế được giao và xây dựng kế hoạch biên chế hành chính năm kế tiếp;

b) Phân bổ lại chỉ tiêu biên chế hành chính cho các cơ quan hành chính trực thuộc.

Điều 13. Khen thưởng, kỷ luật công chức

1. Khen thưởng:

a) Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Khen thưởng bằng khen, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng các hình thức cao hơn cho công chức theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định khen thưởng giấy khen, công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, danh hiệu lao động tiên tiến cho tập thể và cá nhân thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các hình thức cao hơn cho công chức theo quy định của pháp luật.

2. Kỷ luật:

a) Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kỷ luật công chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương;

b) Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh quyết định kỷ luật công chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ và công chức thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định kỷ luật công chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ và công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 14. Quản lý hồ sơ công chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý hồ sơ công chức thuộc thẩm quyền quản lý của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Trực tiếp quản lý hồ sơ công chức giữ chức vụ lãnh đạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

Quản lý hồ sơ công chức thuộc thẩm quyền giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý do các sở, ban, ngành cấp tỉnh bổ nhiệm và công chức các phòng chuyên môn trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quản lý hồ sơ công chức thuộc thẩm quyền giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm chức vụ.

4. Thủ trưởng các cơ quan hành chính trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh và trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hồ sơ công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 15. Báo cáo, thống kê số lượng và chất lượng công chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, thống kê số lượng, chất lượng công chức hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thống kê số lượng, chất lượng công chức thuộc phạm vi quản lý, định kỳ chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 hàng năm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Thực hiện chế độ thôi việc và nghỉ hưu đối với công chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho thôi việc, nghỉ hưu đối với công chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ và công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định cho thôi việc, nghỉ hưu đối với công chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ và công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho thôi việc, nghỉ hưu đối với công chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ và công chức thuộc quyền quản lý.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm triển khai và thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để được hướng dẫn, giải quyết hoặc tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng